

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2020/DS-ST

Ngày: 29 - 9 - 2020

V/v “Tranh chấp hui”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Phước.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Trần Minh Út.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 334/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Tô Hoàng Q, sinh năm 1952 (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1962 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp H, xã TH, huyện P, tỉnh C.

**- Bị đơn:** Ông Trương Văn T (vắng mặt).

Bà Đồng Ngọc T1 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp H, xã TH, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2020, người đại diện theo ủy quyền của ông Tô Hoàng Q là bà Nguyễn Thị Y trình bày:*

Ông Trương Văn T cùng vợ là bà Đồng Ngọc T1 làm chủ dây hụi 1.000.000 đồng, hụi mở ngày 30/12/2015, gồm có 45 phần, hụi chết 32 lần còn 13 lần sống. Ông Tô Hoàng Q có tham gia 02 phần, hốt hụi 01 phần còn lại 01 phần hụi sống. Diễn biến hụi đến lần thứ 32 thì vợ chồng ông Trương Văn T và bà Đồng Ngọc T1 tuyên bố đình hụi còn nợ ông Tô Hoàng Q 32 lần x 1.000.000 đồng = 32.000.000 đồng. Ông Tô Hoàng Q nợ vợ chồng ông Trương Văn T và bà Đồng Ngọc T1 01 phần hụi chết, ông Tô Hoàng Q còn phải đóng 13 lần x 1.000.000 đồng = 13.000.000 đồng. Như vậy, qua đối trừ vợ chồng ông Trương Văn T và bà Đồng Ngọc T1 còn nợ lại ông Tô Hoàng Q là 19.000.000 đồng. Từ khi còn nợ đến nay, ông Tô Hoàng Q có yêu cầu ông Trương Văn T và bà Đồng Ngọc T1 trả nhiều lần nhưng ông bà cứ hẹn lần này đến lần khác nhưng không trả. Vì vậy, ông Tô Hoàng Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn T và bà Đồng Ngọc T1 trả số tiền nợ hụi là 19.000.000 đồng.

*Tại biên bản làm việc ngày 01/9/2020, bị đơn là bà Đồng Ngọc T1 trình bày:*

Trước đây bà và ông Trương Văn T có mở dây hụi do ông Trương Văn T đứng tên làm chủ. Quá trình tham gia hụi giữa bà và ông Trương Văn T có đình hụi do không có khả năng thanh toán tiền hụi cho các hụi viên. Thời điểm đình hụi, bà và ông Trương Văn T vẫn còn là vợ chồng, kinh tế gia đình vẫn làm ăn chung. Tuy nhiên, giữa bà và ông Trương Văn T có thỏa thuận miệng là tiền nợ hụi của ông Tô Hoàng Q do ông Trương Văn T chịu trách nhiệm trả với tổng số tiền là 19.000.000 đồng. Việc ông Tô Hoàng Q yêu cầu bà và ông Trương Văn T cùng trả tiền nợ hụi thì bà không đồng ý. Ông Trương Văn T phải tự trả số tiền hụi còn nợ cho ông Tô Hoàng Q.

Bị đơn là ông Trương Văn T và bà Đồng Ngọc T1 đã được triệu tập hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tô Hoàng Q.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Ông Tô Hoàng Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Văn T và bà Đồng Ngọc T1 trả số tiền nợ hụi. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “Tranh chấp hụi” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án.

Ông Trương Văn T và bà Đồng Ngọc T1 là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trương Văn T và bà Đồng Ngọc T1. Ông Tô Hoàng Q là nguyên đơn vắng mặt, có ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Y tham

gia tố tụng, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Y.

[2]. *Về nội dung*: Xét thấy việc ông Trương Văn T đứng tên làm chủ hội trong danh sách hội khai ngày 30/12/2015 là đúng thực tế theo Giấy hội mà nguyên đơn cung cấp, chủ hội là ông Trương Văn T. Ông Tô Hoàng Q cho rằng ông Trương Văn T cùng vợ là bà Đồng Ngọc T1 làm chủ đây hội 1.000.000 đồng (chủ hội Tiến), hội mở ngày 30/12/2015, gồm có 45 phần, hội chết 32 lần còn 13 lần sống. Ông Tô Hoàng Q có tham gia 02 phần, hót hội 01 phần còn lại 01 phần hội sống. Diễn biến hội đến lần thứ 32 thì vợ chồng ông Trương Văn T và bà Đồng Ngọc T1 tuyên bố đình hội còn nợ ông Tô Hoàng Q 32 lần x 1.000.000 đồng = 32.000.000 đồng. Ông Tô Hoàng Q nợ vợ chồng ông Trương Văn T và bà Đồng Ngọc T1 01 phần hội chết, ông Tô Hoàng Q còn phải đóng 13 lần x 1.000.000 đồng = 13.000.000 đồng. Như vậy, qua đối trừ vợ chồng ông Trương Văn T và bà Đồng Ngọc T1 còn nợ lại ông Tô Hoàng Q số tiền là 19.000.000 đồng. Tại biên bản làm việc ngày 01/9/2020, bà Đồng Ngọc T1 thừa nhận trước đây bà và ông Trương Văn T có mở đây hội do ông Trương Văn T đứng tên làm chủ. Quá trình tham gia hội giữa bà và ông Trương Văn T có đình hội do không có khả năng thanh toán tiền hội cho các hội viên. Thời điểm đình hội, bà và ông Trương Văn T vẫn còn là vợ chồng, kinh tế gia đình vẫn làm ăn chung. Tuy nhiên, giữa bà và ông Trương Văn T có thỏa thuận miệng là tiền nợ hội của ông Tô Hoàng Q do ông Trương Văn T chịu trách nhiệm trả với tổng số tiền là 19.000.000 đồng. Do đó, bà Nguyễn Thị Y là người đại diện theo ủy quyền của ông Tô Hoàng Q yêu cầu bà Đồng Ngọc T1 và ông Trương Văn T cùng trả số tiền hội còn nợ là 19.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Việc bà Đồng Ngọc T1 cho rằng việc bà và ông Trương Văn T còn nợ ông Tô Hoàng Q số tiền hội 19.000.000 đồng, số tiền này bà và ông Trương Văn T thỏa thuận miệng là do ông Trương Văn T chịu trách nhiệm trả nhưng bà không cung cấp được văn bản thỏa thuận. Ngoài ra bà Đồng Ngọc T1 còn cho rằng thời điểm đình hội, bà và ông Trương Văn T vẫn còn là vợ chồng, kinh tế gia đình vẫn làm ăn chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Tô Hoàng Q về việc yêu cầu ông Trương Văn T và bà Đồng Ngọc T1 cùng trả số tiền hội còn nợ là 19.000.000 đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của ông Tô Hoàng Q được chấp nhận nên ông Tô Hoàng Q không phải chịu án phí, do ông Tô Hoàng Q là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên không đặt ra xem xét. Ông Trương Văn T và bà Đồng Ngọc T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 950.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Tô Hoàng Q. Buộc ông Trương Văn T và bà Đồng Ngọc T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Tô Hoàng Q số tiền 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng).

*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Tô Hoàng Q không phải chịu án phí, do ông Tô Hoàng Q là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên không đặt ra xem xét.

Buộc ông Trương Văn T và bà Đồng Ngọc T1 có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng).

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thành Phước**